Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

ĐVT: ha

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Trong đó		Diện tích hiện trạng	Diện tích đất tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ		Ghi chú
			Đăng ký mới 2024	Chuyển KHSDĐ năm 2023			LUC	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	SKK	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DNL	DGD	DYT	DCK	ONT	ODT	TSC	TIN	NTD	DKV	SON	MNC	PNK	CSD		Tờ BĐ, tỷ lệ BĐ	Số thửa	
(1)	(2)	(4)=(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+…(34)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
I	**CÔNG, TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH**	**53,00**	**0,02**	**52,98**		**53,00**	**33,07**	**0,89**	**2,00**	**7,66**				**0,54**				**3,53**	**0,24**					**0,12**	**3,64**			**1,18**				**0,13**					
1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**	**3,17**	**0,02**	**3,15**		**3,17**	**1,83**	**0,89**										**0,09**	**0,24**					**0,12**													
1,1	**Đất quốc phòng**	**2,45**	**0,02**	**2,43**		**2,45**	**1,43**	**0,69**										**0,09**	**0,24**																		
	Sở chỉ huy, căn cứ chiến đấu	1,52	0,02	1,50		1,52	1,43											0,08	0,01															phường Lộc Hòa	37	nhiều thửa	
	Hoàn trả cho trường CĐ nghề số 20 Bộ quốc phòng và hoàn trả đê bối	0,93		0,93		0,93		0,69										0,01	0,23															xã Nam Phong	9.2; 9.4; 10	nhiều thửa	
1,2	**Đất an ninh**	**0,72**		**0,72**		**0,72**	**0,40**	**0,20**																**0,12**													
	Xây dựng trụ sở công an phường Lộc Hòa	0,16		0,16		0,16	0,16																											phường Lộc Hòa	10	334-338, 348-351, 367	
	Xây dựng trụ sở công an xã Lộc An	0,12		0,12		0,12																		0,12										xã Lộc An	7.2	267	
	Xây dựng trụ sở công an xã Nam Vân	0,24		0,24		0,24	0,24																											xã Nam Vân	16.2	nhiều thửa	
	Xây dựng trụ sở công an xã Nam Phong	0,20		0,20		0,20		0,20																										xã Nam Phong	27	nhiều thửa	
2	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**	**49,83**		**49,83**		**49,83**	**31,24**		**2,00**	**7,66**				**0,54**				**3,44**							**3,64**			**1,18**				**0,13**					
2,1	**Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất**																																				
2,2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất**	**49,83**		**49,83**		**49,83**	**31,24**		**2,00**	**7,66**				**0,54**				**3,44**							**3,64**			**1,18**				**0,13**					
*	**Khu Đô thị**	**49,29**		**49,29**		**49,29**	**31,24**		**2,00**	**7,66**								**3,44**							**3,64**			**1,18**				**0,13**					
	Khu Đô thị mới phía Nam Sông Đào	7,01		7,01		7,01	6,30																		0,01			0,61				0,09		phường Cửa Nam, xã Nam Vân	Nam Vân (Tờ BĐ số: 1, 1.4, 2, 2.3, 7, 8, 8.2, 8.3, 12, 13); Cửa Nam (Tờ BĐ số: 15, 16, 17, 21, 22, 23, 27, 28, 31, 32)	nhiều thửa	
	Khu đô thị mới Phú Ốc	42,28		42,28		42,28	24,94		2,00	7,66								3,44							3,63			0,57				0,04		phường Lộc Hòa	nhiều tờ	nhiều thửa	NQ số 71/NQ-HĐND ngày 20/5/2023cuar HĐND tỉnh
*	**Đất Khu công nghiệp**	**0,54**		**0,54**		**0,54**								**0,54**																							
	Dự án đầu tư Công ty cổ phần bông vải sợi Ngọc Hưng tại KCN Hòa Xá	0,32		0,32		0,32								0,32																				KCN Hòa Xá	Lô M14		Điều chỉnh từ "Lô đất số C1-5, C1-6, C1-8" thành "Lô M14" để phù hợp với Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu KCN Hòa Xá
	Nhà máy kéo sợi và hoàn thiện các sản phẩm về len của Công ty Cổ phần Thủy Bình	0,22		0,22		0,22								0,22																				KCN Hòa Xá	Lô B6		Điều chỉnh từ "Một phần thuộc Lô B3" thành "Lô B6" để phù hợp với Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu KCN Hòa Xá
II	**CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI**	**215,64**	**41,80**	**173,84**	**5,17**	**210,47**	**88,86**	**17,11**	**7,01**	**12,60**	**0,66**	**0,25**	**0,22**		**0,32**	**5,89**	**2,54**	**12,12**	**24,54**	**0,01**	**0,95**	**0,04**	**0,11**	**4,25**	**27,67**		**0,03**	**0,35**	**0,24**	**1,17**	**1,62**	**1,77**	**0,15**				
1	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**	**177,28**	**32,77**	**144,51**	**5,17**	**172,11**	**87,94**	**15,81**	**3,99**	**7,61**	**0,66**	**0,25**	**0,22**		**0,15**	**1,34**	**2,54**	**12,04**	**23,81**	**0,01**	**0,95**	**0,04**	**0,11**	**4,25**	**5,92**		**0,03**	**0,35**	**0,24**	**1,17**	**0,77**	**1,77**	**0,15**				
1,1	**Đất giao thông**	**36,34**		**36,34**	**0,15**	**36,19**	**11,57**	**0,60**	**2,64**	**3,16**	**0,66**	**0,10**	**0,22**		**0,15**	**0,59**	**1,40**	**4,76**	**3,47**					**1,05**	**4,05**			**0,21**	**0,17**	**1,17**	**0,16**	**0,01**	**0,05**				
	Đường gom Quốc lộ 10, đoạn từ đường trục Lộc vượng đến đường Phù Nghĩa	4,10		4,10		4,10	0,74	0,20	0,39	0,40						0,18		1,45	0,06						0,57						0,11			các phường: Lộc Thống Nhất, Lộc Hạ	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Xây dựng đường Lưu Hữu Phước kéo dài (đoạn từ đường Thanh Bình đến khu đô thị Mỹ Trung) và Khu TĐC Liên Hà 1	0,03		0,03		0,03																			0,02							0,01		phường Lộc Hạ; phường Hạ Long	Tờ 57 BĐĐC phường Lộc Hạ ; Tờ 6 BĐ ĐC phường Hạ Long	nhiều thửa	
	Đường Trần Thánh Tông (Giai đoạn 2: Đoạn từ Nguyễn Thị Trinh đến Phù Nghĩa)	0,75		0,75	0,15	0,60												0,08							0,52									phường Hạ Long	8, 9	nhiều thửa	
	Mở rộng giao thông phường Lộc Hạ (từ đường Bùi Bằng Đoàn đến QL 10)	0,05		0,05		0,05													0,05															phường Lộc Hạ	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Mở mới đường gom QL 10 giao cắt với đường Thanh Bình quy hoạch	0,40		0,40		0,40	0,10	0,30																										phường Lộc Hạ	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Bãi Đỗ xe	0,21		0,21		0,21												0,21																phường Bà Triệu	7	188, 278	
	Xây dựng nút giao thông đường Bái - Trần Thái Tông	0,04		0,04		0,04												0,03							0,01									phường Lộc Vượng	77; 78	Tờ 78 thửa 18, 19, 20, 22, 24, 98; tờ 77 thửa 154, 155	

ĐVT: ha

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Trong đó		Diện tích hiện trạng	Diện tích đất tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất																									Địa điểm	Vị trí trên bản đồ		Ghi chú
			Đăng ký mới 2024	Chuyển KHSDĐ năm 2023			LUC	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	SKK	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DNL	DGD	DYT	DCK	ONT	ODT	TSC	TIN	NTD	DKV	SON	MNC	PNK	CSD		Tờ BĐ, tỷ lệ BĐ	Số thửa	
	Đường Trần Khắc Chung (đoạn từ Chi cục thuế đến đường Tức Mạc)	0,11		0,11		0,11												0,08							0,03									phường Lộc Vượng	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Đường trong khu TTTDTT vùng Nam Đồng Bằng Sông Hồng (Đường nối từ QL 10 đến Đầm Đọ, Đầm Bét và đường nối đường Nguyễn Công Trứ kéo dài)	3,80		3,80		3,80	2,33	0,07		0,40			0,22					0,17	0,19						0,04			0,21	0,17					phường Lộc Vượng	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Xây dựng đường Trần Bích San (nút giao đường Nguyễn Văn Trỗi)	0,50		0,50		0,50																		0,50									phường Trần Quang Khải	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ QL21 (cầu Ốc) đến QL21B	1,63		1,63		1,63					0,66							0,34	0,42						0,21									phường Lộc Hòa	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Dự án xây dựng đường trục phía Nam thành phố Nam Định (Đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến QL 21B)	15,00		15,00		15,00	7,58		1,20	1,51								0,73	2,30					1,01					0,67				xã Nam Vân	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Mở mới đường giao thông (thuộc dự án cải tạo nâng cấp đường An Thắng huyện Nam Trực)	0,50		0,50		0,50	0,17											0,28												0,05			xã Nam Vân	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh	0,50		0,50		0,50												0,43					0,04	0,03									phường Văn Miếu, xã Lộc An	12; 3.3, 3.4, 7.2, 7.4, 8.1	nhiều thửa	
	Dự án xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định thuộc dự án đầu tư cải tạo nâng cấp QL 38B đoạn từ QL 10-QL 1A	1,18		1,18		1,18	0,65	0,03		0,05		0,095												0,35									phường Mỹ Xá, phường Lộc Hòa	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Dự án xây dựng cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi	7,54		7,54		7,54			1,05	0,80					0,15	0,41	1,40	0,96	0,45					1,77					0,5			0,05	phường Trần Quang Khải, Cửa Nam, xã. Nam Vân	nhiều tờ	nhiều thửa	
1,2	**Đất thủy lợi**	**40,08**		**40,08**		**40,08**	**7,23**	**8,41**		**0,40**		**0,15**					**1,14**	**1,14**	**17,70**					**2,40**	**0,30**		**0,03**	**0,02**			**0,61**	**0,45**	**0,10**				
	Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê Hữu Hồng và tả sông Đào thành phố Nam Định	39,30		39,30		39,30	7,20	8,41		0,40		0,15					1,14	1,00	17,70					2,40	0,30		0,03	0,02				0,45	0,10	phường Cửa Nam, xã Nam Vân, xã Nam Phong	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Công trình hoàn trả đất thủy lợi cho công ty công trình thủy lợi Mỹ Thành để GPMB nâng cấp cải tạo QL38B đoạn từ QL10-QL1A	0,03		0,03		0,03	0,03																										phường Lộc Hòa	37	250, 256, 257	
	Kè hồ Hàng Nan và đường dạo quanh hồ	0,75		0,75		0,75												0,14												0,61			các phường: Lộc Vượng, Bà triệu, Cửa Bắc	Bản Đồ HTSDĐ	BĐ địa chính (nhiều tờ, nhiều thửa)	
1,3	**Đất xây dựng cơ sở y tế**	**0,40**		**0,40**		**0,40**															**0,29**		**0,11**													
	Dự án xây dựng trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) vùng tại tỉnh Nam Định	0,40		0,40		0,40															0,29		0,11									phường Lộc Hạ			NQ 72 ngày 6/7/2022
1,4	**Đất cơ sở giáo dục - đào tạo**	**7,67**		**7,67**		**7,67**	**6,41**	**0,21**								**0,44**					**0,61**															
	Trường THPT Lê Hồng Phong	6,41		6,41		6,41	6,41																										phường Lộc Vượng	35, 44, 45,55	nhiều thửa	
	Mở rộng trường Lý Tự Trọng	0,44		0,44		0,44										0,44																	phườngTrường Thi	15	50	
	XD trường mầm non tư thục Nguyễn Hoàng	0,21		0,21		0,21		0,21																									phường Hạ Long	8	241	
	Trường mầm non tư thục	0,61		0,61		0,61															0,61												phường Lộc Hòa		Khu TĐC Phúc Tân	
1,5	**Đất công trình Năng lượng**	**0,50**		**0,50**		**0,50**	**0,07**			**0,04**						**0,31**		**0,04**			**0,04**															
	Nâng cao năng lực truyền tải ĐZ 110kv lộ 174, 175 TBA 220kv Nam Định - Trình xuyên	0,50		0,50		0,50	0,07			0,04						0,31		0,04			0,04												phường Mỹ Xá	nhiều tờ	nhiều thửa	
1,6	**Đất công trình bưu chính viễn thông**	**0,04**		**0,04**		**0,04**																**0,04**													
	Bưu cục Lộc Vượng	0,04		0,04		0,04																0,04											phường Lộc Vượng	47	34, 41	
1,7	**Đất có di tích lịch sử văn hóa**	**0,64**		**0,64**		**0,64**		**0,03**	**0,05**	**0,11**								**0,01**	**0,04**						**0,40**												
	Xây dựng khu trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử văn hóa thời Trần tỉnh Nam Định	0,64		0,64		0,64		0,03	0,05	0,11								0,01	0,04						0,40									phường Lộc Vượng	10; 18; 19; 20; 22	1, 11, 12, 13; 124, 125, 126; 40; 59, 60, 61, 62; 27, 28, 29; 5, 6, 7, 8; 18, 19, 20, 21, 22, 23	
1,8	**Đất sinh hoạt cộng đồng**	**0,03**		**0,03**		**0,03**																						**0,03**							
	Nhà văn hóa tổ 2, phường Cửa Nam	0,03		0,03		0,03																						0,03					phường Cửa Nam	Lô 06	BĐ QH chi tiết TĐC phường Cửa Nam	
1,9	**Đất ở tại đô thị**	**45,80**	**11,00**	**34,80**	**5,02**	**40,78**	**29,66**	**1,16**	**0,84**	**3,33**								**3,75**	**1,58**	**0,01**	**0,01**				**0,26**			**0,05**				**0,13**					
	Khu TĐC Đông Đông Mạc	2,80		2,80	1,50	1,30		0,15										1,15															phường Hạ Long, phường Lộc Hạ	BĐ ĐC Hạ Long (tờ 1, 3, 7, 8); BĐ ĐC Lộc Hạ (tờ 54, 65)	nhiều thửa	
	Khu Đô thị mới Tây Đông Mạc	3,90		3,90	1,50	2,40		0,29	0,38	0,91								0,57	0,22									0,03					phường Thống Nhất	9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19	nhiều thửa	
	Khu đô thị Mỹ Trung	2,93		2,93	1,96	0,97				0,97																							phường Lộc Hạ	8, 18, 24, 28, 58, 48, 49, 39, 40	nhiều thửa	
	Khu TĐC phục vụ giải phóng mặt bằng Phường Cửa Nam (Giai đoạn 2)	1,26		1,26	0,06	1,20	0,90	0,12	0,04									0,05	0,08	0,01													phường Cửa Nam	5, 6, 9, 10	nhiều thửa	
	TĐC thôn Phúc Tân	9,50		9,50		9,50	9,50																										P. Lộc Hòa, P. Mỹ Xá	BĐ ĐC Lộc Hòa (tờ 23, 33); BĐ ĐC Mỹ Xá (tờ 3, 4)	nhiều thửa	

ĐVT: ha

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Trong đó		Diện tích hiện trạng	Diện tích đất tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất																									Địa điểm	Vị trí trên bản đồ		Ghi chú
			Đăng ký mới 2024	Chuyển KHSDĐ năm 2023			LUC	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	SKK	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DNL	DGD	DYT	DCK	ONT	ODT	TSC	TIN	NTD	DKV	SON	MNC	PNK	CSD		Tờ BĐ, tỷ lệ BĐ	Số thửa	
	Khu TĐC phường Lộc Vượng (khu vực trường Đại học Lương Thế Vinh)	3,98		3,98		3,98	1,32	0,60	0,03	1,33								0,27	0,05		0,01				0,22			0,02				0,13		phường Lộc Vượng	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Khu dân cư tập trung Lương Xá, Phú Óc	10,43		10,43		10,43	8,06		0,39	0,12								0,71	1,11						0,04									phường Lộc Hòa	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Khu dân cư tập trung phường Lộc Hòa và phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định	11,00	11,00			11,00	9,88											1,00	0,12															P. Lộc Hòa, P. Lộc Vượng	nhiều tờ	nhiều thửa	
1,10	**Đất ở nông thôn**	**43,66**	**21,77**	**21,89**		**43,66**	**32,92**	**5,00**		**0,57**								**2,10**	**1,02**					**0,80**				**0,07**				**1,18**					
	Xây dựng khu dân cư tập trung Vạn Diệp xã Nam Phong	10,89		10,89		10,89	8,82			0,45								0,40	0,65					0,50				0,07						xã Nam Phong	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Xây dựng khu dân cư tập trung Đông Phong - Địch Lễ	11,00		11,00		11,00	6,00	5,00																										X. Nam Phong, X. Nam Vân	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Khu dân cư tập trung Hùng Vương, xã Nam Phong, thành phố Nam Định	7,00	7,00			7,00	5,83											0,58	0,11					0,08								0,40		xã Nam Phong	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, thành phố Nam Định	4,27	4,27			4,27	3,33			0,12								0,41	0,06					0,11								0,24		xã Nam Vân	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Vân, thành phố Nam Định	10,50	10,50			10,50	8,94											0,71	0,20					0,11								0,54		xã Nam Vân	nhiều tờ	nhiều thửa	
1,11	**Đất xây dựng trụ sở cơ quan**	**2,13**		**2,13**		**2,13**	**0,08**	**0,40**	**0,46**									**0,24**							**0,91**				**0,04**								
	Trung tâm hành chính thành phố	1,19		1,19		1,19												0,24							0,91				0,04					phường Thống Nhất			Trong KĐT mới Thống Nhất
	Xây dựng trụ sở Cục quản lý thị trường tỉnh Nam Định	0,94		0,94		0,94	0,08	0,40	0,46																									phường Lộc Hạ	22	73, 74, 121, 130, 133, 136, 144-147, 153, 163, 164, 165, 170-179, 184, 185, 195, 196, 205, 207	
2	**Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**	**16,62**	**6,89**	**9,72**		**16,62**	**0,92**	**1,30**	**3,02**	**4,99**					**0,17**	**4,55**		**0,08**	**0,73**						**0,01**						**0,85**						
2,10	**Đất thương mại dịch vụ**	**5,45**	**4,49**	**0,96**		**5,45**	**0,92**									**4,49**		**0,04**																		
	Xây dựng cơ sở kinh doanh, đóng gói và trưng bầy, bán sản phẩm phụ tùng xe máy, xe gắn máy hai bánh, xe máy điện của công ty CP Vina Thái	0,96		0,96		0,96	0,92											0,04																phường Lộc Hòa	36; 37; 38; 39	246-250, 257; 282, 283; 7-11; 3, 9-12	QĐ số 852/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
	Đất thương mại, dịch vụ (Khu đất đường Thái Bình P. Hạ Long)	4,49	4,49			4,49										4,49																		phường Hạ Long	11	137;138	QĐ Số: 2349/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh Nam Định
2,2	**Đất ở nông thôn**	**4,76**	**1,37**	**3,39**		**4,76**		**0,68**	**1,40**	**2,28**								**0,04**	**0,36**																		
	Đấu giá đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại các xã	0,55	0,10	0,45		0,55			0,04	0,11								0,04	0,36															TP. Nam Định	nhiều tờ	nhiều thửa	
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn trong KDC:	4,21	1,27	2,94		4,21		0,68	1,36	2,17																								TP. Nam Định	nhiều tờ	nhiều thửa	
2,3	**Đất ở đô thị**	**6,41**	**1,03**	**5,38**		**6,41**		**0,62**	**1,62**	**2,71**					**0,17**	**0,06**			**0,37**						**0,01**						**0,85**						
	Đấu giá đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại các phường	1,67	0,004	1,67		1,67		0,09	0,02	0,27						0,06			0,37						0,01						0,85	0,00		TP. Nam Định			
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong KDC tại các phường	4,74	1,03	3,71		4,74		0,53	1,60	2,44					0,17																			TP. Nam Định	nhiều tờ	nhiều thửa	
3	**Các khu vực sử dụng đất khác**	**21,74**	**2,13**	**19,61**		**21,74**																			**21,74**												
	Đấu giá quyền sử dụng đất trong các khu đô thị, khu tái định cư:	21,74	2,13	19,61		21,74																			21,74												
	Đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu tái định cư vườn hoa Đô Quan	0,09		0,09		0,09																			0,09								phường Cửa Nam	Lô 1, 2, 3, 4, 5	nhiều thửa	
	Đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu tái định cư Dầu Khí	0,02		0,02		0,02																			0,02								phường Mỹ Xá	Lô 3, 5	nhiều thửa	
	Đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu tái định cư Phạm Ngũ Lão I	0,01		0,01		0,01																			0,01								phường Mỹ Xá	Lô 5, 12	nhiều thửa	
	Đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu tái định cư Phạm Ngũ Lão II	0,09		0,09		0,09																			0,09								phường Mỹ Xá	Lô 1, 5, 6, 8, 11	nhiều thửa	
	Dự án đất ở đô thị	1,01		1,01		1,01																			1,01								phường Mỹ Xá	Lô OTM-04 BĐ quy hoạch phân khu phường Mỹ Xá		
	Khu tái định cư khu đất dịch vụ và đất ở phường Lộc Vượng	1,02		1,02		1,02																			1,02								phường Lộc Vượng	nhiều lô	nhiều thửa	
	Đấu giá QSD đất trong Khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ	1,46		1,46		1,46																			1,46								phường Lộc Vượng	nhiều lô	nhiều thửa	
	Đấu giá QSD đất trong Khu TĐC phường Lộc Vượng (khu vực trường Đại học Lương Thế Vinh)	1,30	1,30			1,30																			1,30								phường Lộc Vượng	nhiều lô	nhiều thửa	

ĐVT: ha

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Trong đó		Diện tích hiện trạng	Diện tích đất tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất																										Địa điểm	Vị trí trên bản đồ		Ghi chú
			Đăng ký mới 2024	Chuyển KHSDĐ năm 2023			LUC	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	SKK	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DNL	DGD	DYT	DCK	ONT	ODT	TSC	TIN	NTD	DKV	SON	MNC	PNK	CSD		Tờ BĐ, tỷ lệ BĐ	Số thửa	
	Khu tái định cư Trần Nhân Tông	0,07	0,07			0,07																		0,07									Phường Trần Quang Khải	nhiều lô	nhiều thửa	
	Khu tái định cư khu vực chùa thôn Phúc Trong xã Mỹ Xá và khu Bãi Viên xã Lộc Hòa	0,70	0,70			0,70																		0,70									phường Mỹ Xá, phường Lộc Hòa	nhiều lô	nhiều thửa	Gồm lô đất 1ha và lô đất điều chỉnh qhuy hoạch
	Khu tái định cư hồ Bà Tràng	0,06	0,06			0,06																		0,06									phường Năng Tĩnh	nhiều lô	nhiều thửa	
	Khu TĐC Liên Hà I	0,57		0,57		0,57																		0,57									phường Lộc Hạ	Lô: 1, 2, 3, 4, 5	nhiều thửa	
	Khu đô thị mới phía Nam sông Đào	14,24		14,24		14,24																		14,24									phường Cửa Nam, xã Nam Vân	nhiều lô	nhiều thửa	
	Khu TĐC Trầm Cá	0,87		0,87		0,87																		0,87									phường Văn Miếu, xã Lộc An	Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 16, 19, 21	nhiều thửa	
	Khu TĐC Đồng Quýt	0,23		0,23		0,23																		0,23									xã Lộc An	Lô 10, 11, 17, 19, 28, 29	nhiều thửa	
	Tổng	**268,64**	**41,82**	**226,83**	**5,17**	**263,47**	**121,93**	**18,00**	**9,01**	**20,26**	**0,66**	**0,25**	**0,22**	**0,54**	**0,32**	**5,89**	**2,54**	**15,65**	**24,78**	**0,01**	**0,95**	**0,04**	**0,11**	**4,37**	**31,31**		**0,03**	**1,53**	**0,24**	**1,17**	**1,62**	**1,90**	**0,15**				